

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2018/DS-ST

Ngày: 23/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Châu Tiên

2/ Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương -Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2017/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H

Trụ sở: Tầng G, Tòa nhà P, đường Nguyễn Đăng G, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc L- sinh năm 1986

Địa chỉ: Tòa nhà H, đường H, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

Văn bản ủy quyền số 2300040751/2017/GUQ-HC ngày 20/7/2017

2/ Bị đơn: Bà Phạm Kim T- sinh năm 1984

Thường trú: đường E, khu phố F, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2017 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 17/01/2013, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Phạm Kim T đã ký hợp đồng tín dụng trả góp số 2300040751. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty cho bà T vay số tiền 31.548.000 (ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 6%/tháng, bà T thanh toán cho Công ty số tiền là 69.150.000 (sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng (bao gồm cả gốc và lãi vay) trong thời hạn 30 tháng. Mỗi tháng bà T trả cho Công ty 2.305.000 (hai triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng vào ngày 18 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 18/02/2013. Ngoài ra nếu bà T không thanh toán đúng hạn như đã thỏa thuận thì còn phải chịu một khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giao tiền và bà T đã thực hiện việc trả nợ được 24 lần với tổng số tiền là 32.030.000 (ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn) đồng, trong đó tiền đóng theo hợp đồng là 29.330.000 (hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn) đồng, tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 2.700.000 (hai triệu bảy trăm ngàn) đồng. Từ ngày 02/11/2015 cho đến nay, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà T thanh toán khoản tiền góp còn lại của hợp đồng chưa thanh toán là 39.820.000 (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn) đồng, trong đó: tiền gốc là 24.692.874 (hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bốn) đồng, tiền lãi là 15.127.126 (mười lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi sáu) đồng.

Công ty chỉ cho cá nhân bà T vay tiền nên nay Công ty chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ.

Bà Phạm Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường T, quận T thì bà Phạm Kim T hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Phạm Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Phạm Kim T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 17/01/2013 giữa Công ty và bà Phạm Kim T đã ký hợp đồng tín dụng số 2300040751. Theo đó, Công ty cho bà T vay số tiền 31.548.000 (ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân với lãi suất 6%/tháng, bà T thanh toán cho Công ty số tiền là 69.150.000 (sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng (bao gồm cả gốc và lãi vay) trong thời hạn 30 tháng. Mỗi tháng bà T trả cho Công ty 2.305.000 (hai triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng vào ngày 18 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 18/02/2013 cho đến ngày 18/7/2015.

Các bên giao kết hợp đồng vào ngày 17/01/2013, thỏa thuận trả góp trong vòng 30 tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 18/02/2013 vào ngày 18 hàng tháng, thời hạn kết thúc theo thỏa thuận là ngày 18/7/2015. Như vậy, tính đến thời điểm ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành) thì giao dịch của các bên theo thỏa thuận là đã thực hiện xong. Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp này là Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thực hiện hợp đồng bà Phạm Kim T đã nhận đủ số tiền vay nhưng chỉ thanh toán được số tiền là 29.330.000 (hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn) đồng. Phần nợ còn lại từ ngày 02/11/2015 đến nay bà Phạm Kim T không thanh toán dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, nay Công ty yêu cầu bà Phạm Kim T thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 39.820.000 (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn) đồng, trong đó: tiền gốc là 24.692.874 (hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai

ngàn tám trăm bảy mươi bốn) đồng, tiền lãi là 15.127.126 (mười lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi sáu) đồng. Do bà T đã vi phạm thỏa thuận với Công ty, không trả nợ đúng hạn nên yêu cầu này của Công ty là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Kim T phải chịu án phí dân sự thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Buộc bà Phạm Kim T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 39.820.000 (ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn) đồng, trong đó: tiền gốc là 24.692.874 (hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bốn) đồng, tiền lãi là 15.127.126 (mười lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Kim T vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bà Phạm Kim T còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Kim T phải nộp 1.991.000 (một triệu chín trăm chín mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền tạm ứng án phí 995.500 đồng (chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm) đồng Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số AA/2017/0037166 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Kim T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy

